

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 12-03-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Bông.
- Bà Đinh Thị Minh Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thuý Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Kim H (tên gọi khác: không), sinh ngày 20 tháng 01 năm 1984 tại huyện TY, tỉnh Yên Bái; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Kim F, sinh năm 1963 và bà Đào Thị E (Đã chết); bị cáo có vợ là Đặng Thị G, sinh năm 1979 và 01 con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Thị T (tên gọi khác: không), sinh ngày 02 tháng 8 năm 1973 tại Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tổ Y, phường CD, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn T, sinh năm 1943 và bà Lò Thị Ch, sinh năm 1941; bị cáo có chồng là Tòng Văn P, sinh năm 1971 (Đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Bản T, xã R, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Văn A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Bản SN, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

2. Chị Tòng Thị Thu B, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ X, phường CD, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

3. Chị Quàng Thị C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ Y, phường CD, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La – Có mặt.

4. Chị Vũ Thị Huyền J, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà X, đường NK, phường CL, thành Phố LC, tỉnh LC – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22 tháng 10 năm 2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã tiếp nhận đơn tố giác của chị Đặng Thị Q với nội dung: Quàng Thị T đã nhận số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) của Q để có thể xin được việc làm giáo viên tại huyện Thuận Châu cho Đặng Thị Q. Sau khi biết T lấy 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) mà không xin việc cho Q nên Q đã gặp T nhiều lần đòi lại tiền nhưng T đưa ra nhiều lý do và chỉ trả lại cho Q số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Nay chị Q làm đơn đề nghị Cơ quan Công an điều tra, xử lý hành vi của Quàng Thị T theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Quàng Thị T và Vũ Kim H khai nhận: Năm 2007, Quàng Thị T là nhân viên hợp đồng nấu ăn tại Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Sơn La đã quen biết và nhận Đặng Thị Q làm con nuôi. Năm 2014, chị Q tốt nghiệp hệ Cao đẳng Giáo dục thể chất của Trường Đại học Tây Bắc. Tháng 8 năm 2019, chị Q đã đăng ký đợt thi tuyển viên chức sự nghiệp tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và có nói với T về việc đăng ký thi tuyển viên chức để làm giáo viên tại huyện Thuận Châu. Nghe thấy vậy T nói với Q là “*mẹ có người quen, có thể xin cho con thi trúng tuyển đợt thi này*”. Thời điểm này, T quen biết Vũ Kim H là nhân viên tư vấn bảo hiểm. T nói chuyện với H về việc Q muốn xin làm giáo viên tại Sơn La, H nói với T “*em có quen bạn ở Hà Nội có thể xin được việc cho cháu với giá là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)*”. T gọi điện thoại cho Q, bảo Q chuẩn bị số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để chuyển lên cho T. Hình thức chị Q sẽ làm hồ sơ dự thi nộp lên Phòng Nội vụ huyện Thuận Châu và sẽ thi tuyển như các thí sinh khác, T chỉ lấy thông tin của Q và nhận tiền để lo cho Q đỗ trong đợt thi viên chức. Nghe thấy T nói vậy, chị Q đã tin tưởng và giao tiền cho T, cụ thể: Ngày 16/8/2019, Q đã nhờ anh trai của Q là anh Đặng Văn A chuyển số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi năm triệu đồng*) cho bị cáo Quàng Thị T vào số tài khoản 1500205840046 Ngân hàng Agribank mang tên Tòng Thị Thu B (*là con gái ruột của T*); ngay sau đó, B đã chuyển khoản lại 55.000.000đ (*Năm mươi năm triệu đồng*) vừa nhận được vào số tài khoản 0681012737050 Ngân hàng TMCP

An Bình - Chi nhánh Sơn La của Quảng Thị T. Ngày 05/9/2019, Q trực tiếp chuyển số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng*) cho bị cáo Quảng Thị T vào số tài khoản 0681012737050 của Ngân hàng An Bình mang tên Quảng Thị T. Tổng số tiền chị Q đã chuyển cho bị cáo T là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Ngày 23/12/2019, UBND huyện Thuận Châu có kết quả thi tuyển viên chức sự nghiệp, chị Q không trúng tuyển. Q đã thông báo cho T biết việc mình đã thi trượt nhưng T lại tiếp tục đưa ra thông tin gian dối khác là sẽ trúng tuyển đợt bổ sung và tiếp tục giữ lại 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Ngày 15/01/2020, T chuyển số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) tiền qua số tài khoản 21510002754937 của Vũ Kim H để xin việc cho Q, còn 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) T giữ lại chi tiêu cá nhân hết. Nhận được số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) do T chuyển đến, bị cáo H không tác động hay giúp đỡ để xin việc cho chị Q mà đã sử dụng số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) vào mục đích chi tiêu cá nhân hết.

Bị hại Đặng Thị Q yêu cầu bị cáo Quảng Thị T phải bồi thường số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*), trong đó 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 5.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền lãi và yêu cầu bị cáo Vũ Kim H phải bồi thường số tiền 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*), trong đó 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) tiền gốc và 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) tiền lãi. Trước khi có đơn trình báo của bị hại, bị cáo Quảng Thị T đã trả cho chị Q 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Ngày 29/12/2023, chị Quảng Thị C là em gái bị cáo T đã bồi thường cho chị Q số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*). Ngày 05/01/2024, chị Vũ Thị Huyền J là em gái bị cáo H đã bồi cho chị Q số tiền 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*). Bị hại đã nhận đầy đủ và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Quá trình điều tra Công an huyện Phù Yên đã thu thập:

+ 01 (*Một*) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa 02 file ghi âm cuộc hội thoại giữa Đặng Thị Q và Quảng Thị T do chị Q cung cấp có tên sau “*file ghi âm cuộc gọi giữa Đặng Thị Q với Quảng Thị T 1*” và “*file ghi âm cuộc gọi giữa Đặng Thị Q với Quảng Thị T 2*”. (Ký hiệu A1).

+ 01 (*Một*) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa 01 file ghi âm cuộc hội thoại giữa chị Đặng Thị Q với Vũ Kim H do chị Q cung cấp có tên “*file ghi âm cuộc gọi giữa Đặng Thị Q với Vũ Kim H*”. (Ký hiệu A2).

+ 01 (*Một*) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell. Bên trong chứa 02 file ghi âm cuộc hội thoại giữa Quảng Thị T với Vũ Kim H do chị T cung cấp có tên “*file ghi âm cuộc gọi giữa Quảng Thị T với Vũ Kim H 1*” và “*file ghi âm cuộc gọi giữa Quảng Thị T với Vũ Kim H 2*”. (Ký hiệu A3).

- Ngày 13/11/2023 Công an huyện Phù Yên tiến hành việc ghi âm giọng nói của các bị cáo và bị hại để làm mẫu so sánh trong quá trình giám định. Cụ thể:

+ 01 (Một) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa 01 file ghi âm giọng nói của Vũ Kim H có tên “*ghi âm giọng nói Vũ Kim H*”. (Ký hiệu M1).

+ 01 (Một) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa 01 file ghi âm giọng nói của Quàng Thị T có tên “*ghi âm giọng nói Quàng Thị T*”. (Ký hiệu M2).

+ 01 (Một) đĩa DVD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa 01 file ghi âm giọng nói của Đặng Thị Q có tên “*ghi âm giọng nói Đặng Thị Q*”. (Ký hiệu M3).

- Ngày 14/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 180/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định dữ liệu điện tử.

Tại bản Kết luận giám định số 8364 ngày 24/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file ghi âm ký hiệu A1, A2 và A3. Tiếng nói của người nữ trong mẫu ký hiệu A1, A2, A3 và tiếng nói của bà Quàng Thị T trong mẫu so sánh ký hiệu M2 là cùng một người. Tiếng nói của người nữ trong mẫu ký hiệu A1, A2 và tiếng nói của bà Đặng Thị Q trong mẫu so sánh ký hiệu M3 là cùng một người. Tiếng nói của người nam trong mẫu ký hiệu A2, A3 và tiếng nói của ông Vũ Kim H trong mẫu so sánh ký hiệu M1 là cùng một người.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Quàng Thị Thành và chị Vũ Thị Huyền J trình bày: chị Quàng Thị C đã tự nguyện bỏ ra số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) để bồi thường thay cho bị cáo Quàng Thị T; Chị Vũ Thị Huyền J đã tự nguyện bỏ ra số tiền 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*) để bồi thường thay cho bị cáo Vũ Kim H. Các chị không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền trên.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố các bị cáo Quàng Thị T và Vũ Kim H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Quàng Thị T và Vũ Kim H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Kim H từ 02 năm 08 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị T từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 08 tháng đến 05 năm.

Giao các bị cáo cho UBND nơi các bị cáo cư trú và gia đình các bị cáo quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự:

Các đại diện gia đình của bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, việc thỏa thuận của các bên không trái với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận.

- Về án phí: đề nghị các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; bản tự khai; kết luận giám định; lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Tháng 8 năm 2019, mặc dù không có thẩm quyền đề xin được việc làm giáo viên tại huyện Thuận Châu theo quy định. Nhưng khi biết chị Đặng Thị Q muốn

xin việc làm giáo Quảng Thị T và Vũ Kim H bàn bạc với nhau và đưa ra thông tin gian dối mình có thể xin được việc làm tại huyện Thuận Châu cho Đặng Thị Q với chi phí là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Đặng Thị Q đã tin tưởng nên chuyển cho Quảng Thị T số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Quảng Thị T giữ lại số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và chuyển cho Vũ Kim H số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Sau đó bị cáo T không thực hiện tác động hay giúp đỡ để xin việc cho chị Q mà đã sử dụng số tiền trên vào mục đích chi tiêu cá nhân hết. Trước khi có đơn tố giác, bị cáo Quảng Thị T đã trả lại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) cho bị hại Đặng Thị Q. Vậy tổng số tiền Quảng Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự là 93.000.000 đồng (*Chín mươi ba triệu đồng*). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Ngày 15/01/2020 bị cáo Vũ Kim H nhận được 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) do Quảng Thị T chuyển đến để xin việc cho Đặng Thị Q, H không tác động hay giúp đỡ để xin việc cho chị Q mà đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản với mục đích hưởng lợi, tiêu xài cá nhân. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Phân hóa vai trò phạm tội: Bị cáo Vũ Kim H khi tiếp nhận được thông tin từ bị cáo Quảng Thị T, bị cáo H đã chủ động đưa ra thông tin gian dối, số lượng tiền và nhận tiền từ bị cáo T nên giữ vai trò khởi xướng, bị cáo Quảng Thị T tiếp nhận ý trí của bị cáo H và trực tiếp nhận tiền của bị hại nên giữ vai trò thực hành trong vụ án. Quá phạm tội các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau về việc ai phải thực hiện công việc cụ thể nào, phân chia số tiền chiếm đoạt được, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Nhưng hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để có một mức án phù hợp, tương xứng với mỗi hành vi của từng bị cáo gây ra.

Xét về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Quảng Thị T có bố là ông Quảng Văn Toán được tặng thưởng Huân chương

kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để bị cáo có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với thời gian tạm giữ, tạm giam của các bị cáo Vũ Kim H từ ngày 07/12/2023 đến ngày 02/02/2024; của bị cáo Quảng Thị T từ ngày 28/12/2023 đến ngày 02/02/2024 sẽ được khấu trừ khi các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo đều là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản nào có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Đối với việc bị cáo Quảng Thị T đã trả cho chị bị hại Đặng Thị Q 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), trước khi chị Q có đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên là hoàn toàn tự nguyện đúng với quy định của pháp luật, do đó cần ghi nhận.

- Đối với việc chị Quảng Thị C đã tự nguyện bỏ ra số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) để bồi thường thay cho bị cáo Quảng Thị T; Chị Vũ Thị Huyền J đã tự nguyện bỏ ra số tiền 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*) để bồi thường thay cho bị cáo Vũ Kim H. Các chị không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền trên, xét là tự nguyện, đúng pháp luật do đó cần được ghi nhận.

- Đối với việc bị hại đã nhận đầy đủ 123.000.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*) không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự thêm khoản nào khác, xét là tự nguyện, đúng pháp luật do đó cần được ghi nhận.

[6] Đối với Đặng Văn A là người chuyển khoản số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi năm triệu đồng*) của chị Q cho Tòng Thị Thu B và Tòng Thị Thu B là người nhận chuyển khoản số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi năm triệu đồng*) của chị Q cho T, quá trình điều tra xác định A và B không biết số tiền trên là tiền xin việc, cũng không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt của người khác. Do đó, không đề cập xử lý.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Kim H và bị cáo Quảng Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Kim H 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/3/2024).

Xử phạt bị cáo Quàng Thị T 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 08 (Tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/3/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Kim H cho Ủy ban nhân dân xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường CD, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường CD, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận việc bị cáo Quàng Thị T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); Đại diện gia đình các bị cáo là chị Quàng Thị C, chị Vũ Thị Huyền J và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với nhau số tiền 116.000.000đ (*Một trăm mười sáu triệu đồng*) với tổng số tiền 123.000.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*), bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

- Ghi nhận việc chị Quàng Thị C và chị Vũ Thị Huyền J không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền bồi thường.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Quàng Thị T và bị cáo Vũ Kim H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức